

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2023
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và bà Đào Thị Ngâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thùy Trân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Lương Công Trứ – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 168/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2023 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ .., hẻm .., khu phố .., phường .., thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Dương Ngọc D, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ .., hẻm .., khu phố .., phường .., thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày được tóm tắt như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông D tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 130, quyền số 01 ngày 16/12/1997. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông D thường xuyên say xỉn, vợ chồng kinh cãi nhau, ông D đánh đập bà L nên D đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Mâu thuẫn vợ chồng được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Tháng 5/2022 bà L làm đơn xin ly hôn với ông D nhưng vì con nên rút đơn khởi kiện, tuy nhiên từ đó cho đến nay ông D vẫn không thay đổi. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông D.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên là Dương Thụy L, sinh ngày 12/03/1999; Dương Quỳnh A, sinh ngày

06/01/2003; Dương Quang N, sinh ngày 16/7/2014. Hiện nay cháu N đang sống với ông D và bà L. Ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu L và cháu A vì đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Dương Ngọc D vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà L vẫn giữ nguyên lời trình bày. Bị đơn ông D vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Bà L được ly hôn với ông D; Về con chung: Giao cháu N cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu Lai và cháu Anh vì đã trưởng thành và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị HĐXX không xét. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Dương Ngọc D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông D tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 130, quyển số 01 ngày 16/12/1997 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn bà L trình bày: Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông D thường xuyên say xỉn, kình cãi nhau, ông D đánh đập bà L nên D đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ cho ông D để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông D không đến Tòa cũng như tại phiên tòa hôm nay ông D vẫn không có mặt. Như vậy cho thấy ông D không có thiện chí hòa giải khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Ngoài ra, vào tháng 5/2022 bà L cũng có đơn xin ly hôn với ông D nhưng đã rút đơn khởi kiện (Quyết định đình chỉ số 98/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên). Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông D đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông D.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên là Dương Thụy L, sinh ngày 12/03/1999; Dương Quỳnh A, sinh ngày 06/01/2003; Dương Quang N, sinh ngày 16/7/2014. Hiện nay cháu Nh đang sống với ông D và bà L. Ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N và cháu Ncũng có đơn tự nguyện xin sống với mẹ là phù hợp nên cần tiếp tục giao cháu Nhật cho bà L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: bà L không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu L, cháu A vì đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Nguyên đơn bà L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Dương Ngọc D.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Quang N, sinh ngày 16/7/2014 cho bà Trần Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị L không yêu cầu ông Dương Ngọc D phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng.

Đối với cháu Dương Thụy L, sinh ngày 12/03/1999 và cháu Dương Quỳnh A, sinh ngày 06/01/2003 vì đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân và bà Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0008120 ngày 25/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.T;
- Chi cục THADS Tp T;
- UBND xã H, TX. Đ tỉnh Phú Yên;
(Số 130, quyền số 01 ngày 16/12/1997);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang